

Số: 147/QĐ-THXN

Xuân Trường, ngày 13 tháng 10 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai kế hoạch thực hiện các khoản thu năm học 2025 - 2026  
của Trường Tiểu học Xuân Ngọc**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN NGỌC**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ công văn số: 927/SGDDĐT-TC ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Hướng dẫn số: 1628/HD-SGDĐT ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025;

Công văn số 336/BHXH-QLT ngày 21/8/2025 của BHXH tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

Công văn số 181/BVNĐ/BHCN/2025 ngày 28/7/2025 của Công ty bảo Việt Nam Định về việc bảo hiểm y tế học sinh và giáo viên năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả Hội nghị họp phụ huynh học sinh toàn trường ngày 11 tháng 10 năm 2025 về việc thống nhất kế hoạch triển khai các khoản thu trong năm học 2025 - 2026 (biên bản họp phụ huynh của 22 lớp);



## DỰ TOÁN

### Thực hiện các khoản thu năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTXXN ngày 13/10/2023 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Xuân Ngọc)

#### **Khoản 1: Tiền nước uống học sinh:**

Mức thu: 10.000đồng/HS/tháng (thu 9 tháng: từ tháng 9/2025 đến tháng 05/2026)

TT	Diễn giải	Số tiền
<b>I</b>	<b>Dự chi:</b>	<b>63.000.000</b>
1	Mua nước lọc đóng bình hàng tháng cho học sinh: 22 lớp x 12.000đ/ngày x 20 ngày/tháng x 9 tháng	47.520.000
2	Công vận chuyển nước uống cho các lớp: 500.000đ/tháng x 9 tháng	4.500.000
3	Trả tiền hoàn vỏ bình do vỡ hỏng, van bình nước	2.330.000
4	Mua ca cốc, khay nước cho HS	8.650.000
<b>II</b>	<b>Dự thu:</b>	<b>63.000.000</b>
	<b>Tổng số học sinh: 720 học sinh, trong đó:</b>	
	+ Học sinh mồ côi cả cha mẹ ở Cô Nhi Viện: 20 học sinh (miễn nộp)	
	+ Số học sinh nộp: 700 học sinh x 10.000đ x 9 tháng	63.000.000
	<b>Cân đối thu chi</b>	<b>0</b>

#### **Khoản 2: Dịch vụ vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh**

Mức thu: 18.000đ/HS/tháng (thu 9 tháng: từ tháng 9/2025 đến tháng 05/2026)

TT	Diễn giải	Số tiền
<b>I</b>	<b>Dự chi:</b>	<b>113.400.000</b>
1	Thuê người làm vệ sinh nhà vệ sinh: 3.500.000đ/tháng x 9 tháng	31.500.000
2	Thuê người làm vệ sinh lớp học, phòng học chức năng: 200.000đ/lớp x 22 phòng x 9 tháng	39.600.000
3	Mua dụng cụ vệ sinh: chổi, dẻ, hót rác, khăn lau.... (2 đợt/năm)	17.500.000
4	Mua giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, chổi cọ nhà VS (2 đợt/năm)	10.900.000
9	Chi mua thùng đựng rác 120 lít (3 cái x 1.800.000đ/cái)	5.400.000



10	Trà công suất chõ rác: 10 tháng x 500.000đ/tháng	5.000.000
11	Chi phát sinh khác trong năm học	3.500.000
<b>II</b>	<b>Dự thu:</b>	<b>113.400.000</b>
	<i>Tổng số học sinh: 720 học sinh, trong đó:</i>	
	+ Học sinh mồ côi cả cha mẹ ở Cố Nhi Viện: 20 học sinh (miễn nộp)	
	+ Số học sinh nộp: 700 học sinh x 18.000đ x 9 tháng	113.400.000
	<b>Cân đối thu chi</b>	<b>0</b>

**Khoản 3: Tiền nuôi ăn bán trú**

TT	Diễn giải	Số tiền (đ)
<b>I</b>	<b>Dự chi:</b>	<b>973.400.000</b>
1	Chi mua bổ sung gối, chăn cho học sinh	5.000.000
2	Chi mua cây lau nhà (5 bộ x 350.000đ/bộ)	1.750.000
3	Chi mua thảm xốp	5.050.000
4	Giặt chăn, gối 2 đợt (2.000.000 đồng/đợt x 2 đợt)	4.000.000
5	Chi tiền suất ăn nộp về Công ty nấu ăn: 190 HS x 22.000đ/bữa x 20 bữa/tháng x 9 tháng	752.400.000
6	Chi quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính: 190 HS x 6.000đ/ngày x 20 ngày/tháng x 9 tháng	205.200.000
	+ Chi GVCN phụ trách HS ăn bán trú từ T9/2025-T5/2026 (5.000đ/hs x 190 hs x 9 tháng)	8.550.000
	+ Chi công coi trưa từ T9/2025-T5/2026 (Tổng số tiền thu - chi GVCN phụ trách HS ăn BT) x 70% x 9 tháng)	137.655.000
	+ Chi công tác quản lý, làm hồ sơ từ T9/2025-T5/2026 (Tổng số tiền thu - chi GVCN phụ trách HS ăn BT) x 30% x 9 tháng)	58.995.000
<b>II</b>	<b>Dự thu:</b>	<b>973.400.000</b>
1	Tiền mua đồ dùng phục vụ bán trú: 63 học sinh x 150.000đ/HS; 127 học sinh x 50.000đ/HS	15.800.000
2	Tiền suất ăn: 190 HS x 22.000đ/bữa x 20 bữa/tháng x 9 tháng	752.400.000
3	Tiền quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính: 190 HS x 6.000đ/ngày x 20 ngày/tháng x 9 tháng	205.200.000
	<b>Cân đối thu chi</b>	<b>0</b>

**Khoản 4: BHYT học sinh** (Thu theo số HS trừ các trường hợp thuộc hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng khác đã được cấp thẻ và nộp về BHXH theo quy định).

**Khoản 5: Bảo Việt** (100.000đ hs/Năm) theo tự nguyện đóng góp của phụ huynh  
Nộp cho Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Dự toán gồm 05 khoản/.

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
TIỂU HỌC  
XUÂN NGỌ  
Trần Thị Kim Huế

